

Nguyễn Như Kim (1922 – 2008)

Tôi quen anh Kim ở Câu lạc bộ Ba Đình từ những năm 90 thế kỷ trước. Năm 1992, gia nhập CLB, tôi đăng ký xin chơi cầu lông. Lúc đầu, qua kiểm tra, tôi được xếp chơi ở Sân 2; khoảng hơn 1 tháng sau, tôi được chuyển sang chơi ở Sân 1, sân của các tay chơi sừng sỏ nhất và ở đây tôi đã làm quen với anh Kim. Mấy năm sau, trong một buổi sinh hoạt định kỳ hằng năm của Ban Liên lạc Hội Cựu học sinh Albert Sarraut, tôi thấy anh cũng có mặt cùng vợ là chị Trần thị Ân, do đó mới biết anh cũng đã từng học ở Albert Sarraut. Tôi còn nhớ hôm ấy tôi đã cầm cốc bia hơi đến chạm cốc với anh và nói trêu là trên sân, tuy anh nhiều tuổi nhưng vẫn rất phong độ, nhiều cô vẫn bám lấy anh. Có lẽ anh sợ chị Ân hiểu nhầm, nên vội thanh minh là tôi chỉ hay nói đùa, làm gì có thể. Quả thật khi ấy tuy đã vào tuổi “cổ lai hy”, song với vóc người thanh tú, da hơi nâu, mặt trái xoan, mắt sáng, miệng luôn tươi cười, dáng đi nhanh nhẹn, trông anh vẫn rất mạnh khỏe, hấp dẫn. Anh chơi khá hay, phong cách đẹp, công thủ toàn diện, cú đập rất mạnh mà cú bỏ nhỏ cũng rất ác. Anh có thói quen, sau mỗi pha căng thẳng, trước khi giao cầu vào pha mới, bao giờ cũng giơ tay xin tạm dừng, cúi xuống, nhắm mắt, đứng lặng vài giây rồi mới tiếp tục chơi.

Gần đây, xem cuốn Palmarès 1934 – 35 thấy tên anh được ghi ở lớp 6^e B kèm các giải thưởng sau: Prix d'honneur (giải danh dự dành cho học sinh tháng nào cũng được thưởng phiếu danh dự), 2^e prix de Mathématiques, 2^e prix de Sciences Naturelles, 3^e prix de Dessin, 6^e prix d' Histoire et Géographie, như vậy là **anh học khá toàn diện**, tôi mới nảy ý nghĩ viết về anh. Tiếc thay tài liệu về anh quá hiếm, tôi mới tiếc trước đây đã không trò chuyện tìm hiểu thêm về anh.

Anh Nguyễn Như Kim sinh năm 1922 trong một gia đình phong lưu có học, nền nếp, **theo học ở trường Albert Sarraut từ bậc tiểu học cho đến khi thi đỗ Tú tài toàn phần, học khá giỏi**. Học xong phổ thông, anh thi đỗ vào trường ĐH Khoa học Hà Nội, đang chuẩn bị thi chứng chỉ Vật Lý đại cương, lấy bằng Cử nhân khoa học thì nổ ra CM Tháng Tám. Anh hăng say hoạt động trong tổ chức Hướng Đạo, là Đoàn trưởng đoàn Hướng đạo Thăng Long. **Khi xảy ra Toàn quốc Kháng chiến, anh đang là Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật của Đài Phát thanh Bạch Mai**. Ngày 17 – 12 – 1946, bọn Pháp gây hấn, đánh vào phố Hàng Bún, gần nhà anh, anh đang trực ở Đài, chiều tối mới về nhà thấy trống vắng, hỏi hàng xóm, được biết gia đình đã tản cư về vùng Hoài Đức, anh tạm yên tâm, lại trở về Đài cùng anh em lo sơ tán Đài. Ngày 19 – 12 – 1946, sau khi đã phát thanh buổi cuối cùng lúc 8 giờ tối, kêu gọi toàn dân tích cực kháng chiến, Đài đã cho nổ tung 4 cột ăng ten, rồi sơ tán về Trầm. Anh Kim được giao nhiệm vụ chuẩn bị các cơ sở mới cho Đài, đã sớm đi Dốc Cùn xây dựng sẵn một cơ sở phụ, rồi sau đó lại đi Phú Thọ, Tuyên Quang... Việc di chuyển Đài liên tục nói lên tính khắc nghiệt của những ngày đầu kháng chiến khi địch đang chiếm ưu thế, muốn nhanh chóng giải quyết chiến tranh, phía ta đang còn non yếu, cần thời gian để củng cố lực lượng. Anh Kim cho biết, đôi khi đang khiêng máy nặng leo dốc, gặp hồ rình mồi trên sườn núi, lại có hôm xe chở máy đang chạy trên đường, bị máy bay địch đuổi bắn hỏng 2 lốp sau... Do có nhiều đóng góp tích cực, **tháng 1 – 1997, anh được kết nạp Đảng**, 2 người giới thiệu là Trần Lâm, Hoàng Tuấn, lúc ấy đều là biên tập viên.

Đài Phát thanh vốn phải được xây dựng cố định, nay do tình hình thực tế, lại hay phải di chuyển, máy móc nặng nề dễ bị hỏng hóc, phải có thiết bị thay thế; Ban lãnh đạo biết vậy, nên đã nghĩ đến việc cử người đi tìm mua, mà phải là người nắm được kỹ thuật. Tháng 6 – 1948 có công văn triệu tập anh Kim về họp ở Chợ Chu (Thái Nguyên); **anh được giao nhiệm vụ sang Thái Lan liên lạc với cơ sở Việt kiều yêu nước, tìm mua các linh kiện vật tư cho**

Đài, đồng thời mua thêm 1 máy thu phát công suất 15W cùng thuốc men, dụng cụ y tế, sách cho bậc đại học. Anh được giao một bọc vải bạt đựng hơn chục ki-lô-gam vàng. Bộ Quốc phòng chỉ cử thêm một người đi cùng với anh. Sau này cụ Trần Hữu Quảng, Việt kiều ở Thái Lan, người được giao nhiệm vụ bảo quản số vàng anh Kim trao cho, xác nhận số vàng là 18kg, toàn vàng Sư tử, chắc là của nhân dân ủng hộ trong Tuần lễ vàng; mỗi lần xuất vàng đi mua sắm phải có phiếu xuất mang 2 chữ ký của anh Kim và của ông Nguyễn Đức Quý, đại diện của Hội Việt kiều ở Thái.

Nhận nhiệm vụ kèm bao nỗi lo, lo bảo quản số vàng, một tài sản lớn; lo đường xa lại lạ nước lạ cái...song bao trùm lên cả là lo sao hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ. Trước hết phải giữ bí mật về chuyến đi, nhất là bí mật về số vàng mang theo. Anh bàn nên làm như những cán bộ bình thường đi công tác, đi xe đạp, buộc bọc vàng trên cái đòn xe như đòn hàng, người đòn vàng đi trước, người kia đi sau bí mật bảo vệ. Cứ như thế 2 anh vượt qua vùng địch hậu đồng bằng Bắc Bộ, tháng 8 – 1948 đến Đô Lương (Nghệ An), nhập với một đoàn cán bộ sắp qua Lào (trong đó có ông Bùi Văn Các, sau này làm thứ trưởng Bộ Xây dựng), có một đơn vị vũ trang đi theo bảo vệ. Tìm đường mà đi, cò lau ngút ngàn, ngày nghỉ đêm đi, cứ dõng theo cái khăn bông trắng cài trên lưng người đi trước mà bước. Thức ăn chỉ có gạo rang, nước uống là nước sông, bụng lúc nào cũng óc ách mà đói mờ mắt, thèm của ngọt ghê gớm, mơ được tấm mía để giải khát thì quý quá, may mà không ai bị Tào Tháo đuổi. Đến sông Nậm Ca Đình, bỏ đường bộ, dùng thuyền độc mộc vượt thoát qua đồn địch và xoáy nước lớn ở sông Đặc Ca Đình, coi như đã hết nguy hiểm thì đơn vị vũ trang về nước. Cả đoàn xuống thuyền buôn xuôi dòng Mekong về Na-khôn Pha-nom, có liên lạc của Hội Việt kiều yêu nước chờ sẵn. **Đến đây anh Kim cùng bạn tách khỏi đoàn, đi Băng-cốc gặp ông Nguyễn Đức Quý** (sau này là thứ trưởng Bộ Văn Hóa) là đại diện Hội Việt kiều đón về sống ở một villa lớn. Thế là qua được một khó khăn, tiếp đến khó khăn mới: tìm mua hàng. Hàng hóa ở Thái Lan sẵn, nói chung mua sắm dễ dàng, trừ một vài mặt hàng như đèn điện tử công suất lớn phải nhờ người mua từ Mỹ đem về; vấn đề cần chú ý là mua sắm dần dần sao cho bọn mật thám Pháp vẫn thường có mặt ở Băng-cốc, đừng để ý. Sau mấy tháng mua sắm xong, phải suy tính kỹ cách đem hàng về. Đường hàng không không được tính đến vì ta đã làm gì có sân bay, đường bộ không ổn vì hàng nhiều lại nặng, cần nhiều người mang vác, dễ bị lộ. Chỉ còn đường thủy. Sau khi quyết định, một mặt lo liên hệ với bên nhà điều cho một thủy thủ đoàn đến đón ở một địa điểm giáp Cam-pu-chia; mặt khác lo tổ chức chuyển hàng từ Băng-cốc ra cảng cách xa khoảng 40km, rồi từ cảng dùng thuyền buồm chở dần đến địa điểm đã hẹn, lại tìm mua một con tàu để chở hàng về nước, tất cả đều do Hội Việt kiều ở Thái tổ chức thực hiện. Một đội thủy thủ thuộc Khu 9 Nam Bộ được thành lập gồm 20 người, thuyền trưởng là Hóa, 2 thuyền phó là Liêm và Nhã; con tàu được mua ở Thái Lan trọng tải cỡ 100 tấn, dài khoảng 30m, ngang 8m, gắn thêm 2 máy cho khỏe, đặt tên là tàu Sông Lô. Chở hàng từ Băng-cốc ra cảng mất đến 2, 3 tháng, do hàng phải chờ lẩn với hàng hóa khác để giữ bí mật. **Đến tháng 6 – 1949 mọi mặt chuẩn bị xong xuôi**, tàu Sông Lô mang biển đăng ký Thái Lan không chở hàng, chỉ chở anh Kim, rời bến Băng-cốc ra cảng, lấy lý do là thử máy để che mắt bọn mật thám Pháp được cài ở Băng-cốc. Tàu đổ ngoài đảo Cô-chong thuộc Cam-pu-chia, ban đêm dùng thuyền con chở hàng ra; anh Kim cho mua thêm 20 phuy sắt mang xuống tàu với dụng ý nếu trên đường ra Bắc không may đụng tàu địch mà chạy không thoát, thì cho đổ sắt ra, đốt tàu cho nổ, quyết không để hàng rơi vào tay địch.

Tàu phẳng phẳng vượt vịnh Thái Lan, qua Hòn Khoai đến Năm Căn, dừng ở Tam Giang chừng 1 tháng để mua thêm lương thực thực phẩm. Rồi Tam Giang, vòng qua Côn Đảo, tàu trực chỉ hướng Bắc. Đến ngang Đà Nẵng, định vào cảng Bến Thủy, thì phát hiện có máy bay địch do thám; tàu không vào Bến Thủy nữa, quặt lên hướng đảo Hải Nam, điện về Bộ Quốc Phòng xin ý kiến, được lệnh cứ vào Bến Thủy. Khoảng 1 giờ sau phát hiện tàu địch,

4 chiếc đến từ 4 hướng hình thành thế bao vây. Thuyền trưởng ra lệnh quay lại, mở máy chạy hết tốc lực, song không thể thoát. **Anh Kim hội ý, quyết định cho nổ tàu.** Sẵn được đồ ra, bén lửa, tàu Sông Lô như một vầng lửa vẫn lao đi, các anh nhảy khỏi tàu; tàu nổ, các anh bị văng đi, bất tỉnh, sau đó bị địch bắt hết, chỉ có 1 người bị chết. Hơn 1 năm trời vượt bao khó khăn nguy hiểm, tưởng như sắp thành công, ngờ đâu trời chẳng chiều người, hàng bị mất, người bị bắt, 18kg vàng mang đậm tình yêu nước của nhân dân đóng góp trong Tuần lễ vàng, thế là tiêu tan cả. Anh Kim bị tách riêng, bị tra tấn, vẫn một mực khai mình là Nguyễn văn Hai, đi buôn gạo; về sau địch cũng dò ra nhân thân của anh. Anh bị tù 1 năm ở Nam Bộ, rồi bị đưa ra Hà Nội. **Địch hứa sẽ thả nếu anh chịu nhận lời sang Pháp làm việc hoặc học tiếp.** Bí mật liên hệ với tổ chức, được lệnh sang Pháp bồi dưỡng thêm kiến thức chuyên môn, chờ lệnh mới

Được đưa sang Pháp, anh theo học ngành điện tử, ngày đi làm kiếm sống, tối học. Anh học chăm, 1 năm thi 2 chứng chỉ, **sau 2 năm tốt nghiệp kỹ sư công nghệ điện tử**, làm trợ lý cho một giáo sư, ăn lương chính thức của Bộ Giáo Dục Pháp. Khoảng đầu những năm 60 thế kỷ trước, giáo sư Hồ Đắc Di sang Pháp, chuyển cho anh lá thư của giáo sư Tạ Quang Bửu, lúc ấy là bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Giáo sư bộ trưởng thông báo cho anh là trong nước mới thành lập trường Đại học Bách khoa, đang cần một giáo sư chủ nhiệm khoa như anh, anh hiểu ngay đây là lệnh mới của tổ chức mà anh đang mong đợi. Lúc này anh đã có gia đình, vợ anh là Tiến sĩ Sinh Hóa Trần thị Ân, 2 người đã có một trai là Nguyễn Mạnh Đức (hiện là Giáo sư Tiến sĩ Vật lý, làm việc tại trường ĐH Oxford) và một gái là Nguyễn Kim Anh.

Lập tức anh đưa gia đình về nước; anh được bổ nhiệm làm chủ nhiệm khoa Điện – Điện tử ở trường ĐH Bách Khoa, còn chị giảng dạy ở trường ĐH Y khoa, được bầu làm đại biểu Quốc hội 4 khóa liền. Chỉ vài tháng sau anh đã được phục hồi đảng tịch.

Được mấy năm, do nhu cầu công tác, anh được chuyển sang Ủy ban Khoa học Nhà nước xây dựng ngành Thông tin khoa học, làm Viện trưởng Viện Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia gần 20 năm liền, phục vụ thông tin cho công cuộc phát triển kinh tế của đất nước. Rồi năm 1988 anh lại được chuyển sang làm tham tán khoa học kỹ thuật cho Đại sứ quán ở Pháp, giúp cho việc phát triển tốt đẹp quan hệ giữa 2 nước qua đó giúp cho nước ta tiếp nhận công nghệ tiên tiến của thế giới, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hàng trăm thực tập sinh, nghiên cứu sinh sang học tập, nghiên cứu ở Pháp. Được mấy năm, anh lại trở về Viện công tác ít lâu rồi mới nghỉ hưu.

Nghỉ hưu rồi, chiều nào anh cũng phóng xe máy, chiếc Peugeot 102 xinh xắn màu đỏ ót, lên Cầu lạc bộ Thể thao Ba Đình gặp gỡ anh em trò chuyện và chơi cầu lông. Anh chơi hay, đường cầu đẹp, phong cách lịch sự, tác phong dễ gần, nên ai cũng quý mến.

Ngày 4 – 10 – 2008 anh mất, thi hài được quản tại Nhà tang lễ Bộ Quốc phòng để họ hàng, bạn bè, đồng chí đến viếng rồi được an táng ở khu A, nghĩa trang Văn Điển.

Khởi thảo: 29 – 10 – 2012

Hoàn thành: 3 – 11 – 2012